Mua vào
Giá mục tiêu: VNĐ97,200
Tiềm năng tăng/giảm: 48.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/1/2025)	65,400
Mã Bloomberg	MSN VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	63,700-81,100
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	65,450
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	94,068
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	3,755
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,438
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	705
Slg CP NN được mua (tr.đv)	315
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	27.1%
Tỷ lệ freefloat	42.6%
Cổ đông lớn	ông ty cổ phần Masan (25.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá

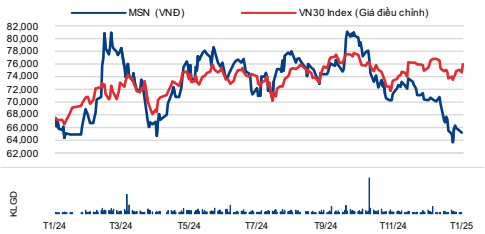

Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	78,252	84,363	84,013
EBITDA đc (tỷ đồng)	8,302	10,150	11,896
LNTT (tỷ đồng)	2,563	6,057	7,801
LNT ĐC (tỷ đồng)	419	2,474	3,831
FCF (tỷ đồng)	(1,728)	3,060	2,161
EPS ĐC (đồng)	294	1,668	2,532
DPS (đồng)	-	-	-
BVPS (đồng)	18,647	21,369	24,159
T.trưởng EBITDA (%)	(8.52)	22.2	17.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	(88.3)	487	55.1
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	10.6	12.0	14.2
Tỷ suất LNTT (%)	3.28	7.18	9.29
Tỷ suất LNT ĐC (%)	0.54	2.93	4.56
Tỷ lệ LN trả CT (%)	-	-	-
Nợ thuần/VCSH (%)	227	184	154
ROAE (%)	1.59	8.64	11.7
ROACE (%)	4.83	5.94	7.66
EV/doanh thu (lần)	1.95	1.77	1.74
EV/EBITDA ĐC (lần)	18.4	14.7	12.3
P/E ĐC (lần)	222	39.2	25.8
P/B (lần)	3.51	3.06	2.71
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Masan thông qua các công ty con và công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ, sản phẩm tiêu dùng nhanh có thương hiệu, thịt mát có thương hiệu, nguyên liệu cơ bản và dịch vụ tài chính.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ
Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Trần Đăng Mạnh
Chuyên viên , Ngành Hàng Tiêu Dùng
manh.tdang@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Q4/2024: Lợi nhuận đi ngang so với quý trước, thấp hơn dự báo một chút

- KQKD Q4/2024 của MSN tăng mạnh so với cùng kỳ, với doanh thu thuần và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 9% và 1.282% so với cùng kỳ đạt 22.702 tỷ đồng và 691 tỷ đồng. Ngoại trừ các khoản lợi nhuận không thường xuyên, lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi đạt 602 tỷ đồng, thấp hơn một chút so với dự báo của HSC ở mức 651 tỷ đồng.
- Lợi nhuận thấp hơn dự báo chủ yếu do lợi nhuận thuần của MCH thấp hơn kỳ vọng và mức đóng góp của TCB giảm.
- Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận. MSN đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2025 là 26,9 lần, thấp hơn 0,4 độ lệch chuẩn so với bình quân từ năm 2017 ở mức 43,7 lần.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2024

KQKD Q4/2024 của MSN tăng mạnh so với cùng kỳ nhưng vẫn thấp hơn dự báo của HSC. Doanh thu thuần đạt 22.702 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ, thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi ở mức 23.887 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần (lợi nhuận sau thuế và lợi ích của nhóm cổ đông thiểu số) đạt 691 tỷ đồng, tăng 1.282% so với cùng kỳ, thấp hơn nhiều so với dự báo của chúng tôi ở mức 1.166 tỷ đồng. So với quý trước, doanh thu thuần tăng 6% trong khi lợi nhuận thuần đi ngang.

Nếu ngoại trừ khoản lợi nhuận không thường xuyên 89 tỷ đồng (thấp hơn nhiều so với dự báo của chúng tôi ở mức 515 tỷ đồng), lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi đạt 602 tỷ đồng, thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi ở mức 651 tỷ đồng.

Lợi nhuận thấp hơn dự báo đa phần do lợi nhuận thuần của Masan Consumer Corporation (MCH) thấp hơn kỳ vọng và đóng góp thấp hơn từ Techcombank (TCB), trong khi KQKD của WinCommerce (WCM), Masan MeatLife (MML) và Masan High Tech Materials (MHT) cao hơn dự báo của chúng tôi.

Trong năm 2024, doanh thu thuần của MSN đạt 84.363 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ và hoàn thành 99% dự báo cho cả năm của HSC. Lợi nhuận thuần đạt 1.999 tỷ đồng, tăng 378% so với cùng kỳ, hoàn thành 81% dự báo cho cả năm của chúng tôi ở mức 2.474 tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 24/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD hợp nhất Q4/2024, MSN

Tỷ đồng	Q4/24	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	Q4/24F	2024	Tăng trưởng	2024F
Doanh thu thuần	22,702	9%	6%	23,887	83,178	6%	84,363
Lợi nhuận gộp	7,063	22%	10%	7,868	24,656	11%	25,461
Lỗ tài chính	(51)	-95%	-96%	(374)	(3,958)	-31%	(4,281)
Chi phí BH&QL	(4,600)	-5%	-4%	(5,757)	(18,572)	4%	(19,729)
Lợi nhuận từ cty LD, LK	764	-27%	-34%	948	4,444	11%	4,628
LNTT	2,657	180%	70%	2,689	6,025	135%	6,057
LNST	1,547	199%	19%	1,892	4,273	128%	4,618
Lợi ích của cổ đông thiểu số	856	1611%	43%	727	2,273	120%	2,145
Lợi nhuận thuần	691	1282%	-1%	1,166	1,999	378%	2,474

Nguồn: MSN, HSC

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

KQKD của các mảng kinh doanh chính trong Q4/2024

- **MCH: lợi nhuận thuần tăng nhẹ, thấp hơn dự báo.** Lợi nhuận thuần của MCH tăng 2% so với cùng kỳ đạt 2.329 tỷ đồng, thấp hơn 8% so với dự báo của chúng tôi ở mức 2.541 tỷ đồng. Doanh thu thuần của MCH tăng 5% so với cùng kỳ đạt 8.942 tỷ đồng, thấp hơn 6% so với dự báo của HSC. Có vẻ Công ty đang chuyển sang chiến lược ưu tiên các HĐKD có tỷ suất hoàn vốn cao hơn và giảm khuyến mãi cho điểm bán, điều này làm ảnh hưởng đến doanh thu trong ngắn hạn.
- **WCM: chuyển biến lợi nhuận tích cực, vượt dự báo.** WCM ghi nhận 209 tỷ đồng lợi nhuận thuần, trên mức doanh thu tăng 12% so với cùng kỳ, chuyển biến tích cực sau nhiều năm thua lỗ, cao hơn dự báo của chúng tôi. Theo BLĐ, doanh thu tăng là nhờ vào mô hình cửa hàng mới (WIN tại khu vực trung tâm và Winmart Plus tại khu vực ngoại thành) và hiệu quả hoạt động tốt hơn.
- **MML: quý thứ 2 ghi nhận lợi nhuận, cao hơn dự báo** – LNST Q4/2024 của MML đạt 85 tỷ đồng, chuyển biến tích cực từ lỗ 68 tỷ đồng trong Q4/2023 và lợi nhuận khá khiêm tốn 2 tỷ đồng trong Q3/2024. Doanh thu thuần vững chắc, tăng 24% so với cùng kỳ đạt 2.204 tỷ đồng
- **MHT**: EBITDA cải thiện, cao hơn dự báo. EBITDA của MHT cải thiện 33% so với quý trước lên 619 tỷ đồng, cao hơn dự báo của HSC ở mức 222 tỷ đồng.

Lợi nhuận chia sẻ từ các công ty liên kết: Giảm mạnh, thấp hơn dự báo. Lợi nhuận chia sẻ từ các công ty liên kết giảm 27% so với cùng kỳ và giảm 34% so với quý trước xuống 764 tỷ đồng, thấp hơn dự báo của chúng tôi ở mức 956 tỷ đồng. Trong đó, đóng góp từ TCB là 732 tỷ đồng, giảm 21% so với cùng kỳ do lợi nhuận thuần của TCB giảm.

Xem xét lại dự báo lợi nhuận, giá mục tiêu và khuyến nghị

Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận.

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HĐKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	76,189	78,252	84,363	84,013	89,722
Lợi nhuận gộp	21,035	22,121	25,461	28,059	30,544
Chi phí BH&QL	(16,366)	(17,942)	(19,729)	(20,678)	(21,934)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	**4,669**	**4,179**	**5,732**	**7,381**	**8,610**
Lãi vay thuần	(4,848)	(7,422)	(6,401)	(6,008)	(5,765)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	4,340	3,896	4,628	5,464	6,459
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	986	1,911	2,097	964	928
LNTT	**5,147**	**2,563**	**6,057**	**7,801**	**10,232**
Chi phí thuế TNDN	(393)	(693)	(1,439)	(1,580)	(1,866)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,187)	(1,451)	(2,145)	(2,390)	(2,822)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	**3,567**	**419**	**2,474**	**3,831**	**5,544**
Lợi nhuận thuần ĐC	**3,567**	**419**	**2,474**	**3,831**	**5,544**
EBITDA ĐC	**9,076**	**8,302**	**10,150**	**11,896**	**13,226**
EPS (đồng)	2,505	294	1,726	2,677	3,875
EPS ĐC (đồng)	2,505	294	1,668	2,532	3,664
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,424	1,424	1,434	1,431	1,431
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,424	1,424	1,438	1,431	1,431
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,424	1,424	1,513	1,513	1,513

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	4,669	4,179	5,732	7,381	8,610
Khấu hao	(4,407)	(4,124)	(4,417)	(4,515)	(4,616)
Lãi vay thuần	(4,848)	(7,422)	(6,401)	(6,008)	(5,765)
Thuế TNDN đã nộp	(903)	(816)	(1,630)	(1,761)	(2,048)
Thay đổi vốn lưu động	(7,047)	631	1,324	(213)	18.9
Khác	(66.5)	(195)	(381)	(364)	(751)
LCT thuần từ HĐKD	**(3,789)**	**500**	**3,062**	**3,549**	**4,682**
Đầu tư TS dài hạn	(4,165)	(2,229)	(2.15)	(1,388)	(2,154)
Góp vốn & đầu tư	(16,636)	709	0	0	0
Thanh lý	308	(28,674)	0	0	0
Khác	(5,954)	22,370	1,063	1,172	1,352
LCT thuần từ HĐĐT	**(26,447)**	**(7,824)**	**1,060**	**(217)**	**(803)**
Cổ tức trả cho CSH	0	0	0	0	0
Thu từ phát hành CP	(40.4)	71.1	0	0	0
Tăng/giảm nợ	23,104	(87,325)	(2,490)	(7,229)	(752)
Khác	(1,267)	90,800	(219)	(314)	(198)
LCT thuần từ HĐTC	**21,796**	**3,546**	**(2,709)**	**(7,543)**	**(950)**
Tiền & tương đương tiền đầu kì	22,305	13,853	10,125	11,538	7,327
LCT thuần trong kỳ	**(8,440)**	**(3,777)**	**1,413**	**(4,211)**	**2,929**
Ảnh hưởng của tỷ giá	(11.8)	48.4	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	**13,853**	**10,125**	**11,538**	**7,327**	**10,256**
Dòng tiền tự do	**(7,954)**	**(1,728)**	**3,060**	**2,161**	**2,528**

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	13,853	10,125	11,538	7,327	10,256
Đầu tư ngắn hạn	3,659	6,795	3,819	3,819	3,819
Phải thu khách hàng	13,930	11,985	14,513	14,498	14,483
Hàng tồn kho	14,445	13,175	13,068	13,013	13,898
Các tài sản ngắn hạn khác	1,787	1,684	1,674	1,664	1,654
Tổng tài sản ngắn hạn	**47,675**	**43,763**	**44,611**	**40,320**	**44,109**
TSCĐ hữu hình	30,612	30,469	30,679	30,843	30,907
TSCĐ vô hình	12,575	12,106	11,355	10,604	9,853
Bất động sản đầu tư	730	709	601	543	485
Đầu tư dài hạn	2,854	2,938	2,938	2,938	2,938
Đầu tư vào Cty LD,LK	28,480	30,282	33,859	38,598	44,408
Tài sản dài hạn khác	18,418	27,117	24,681	23,580	23,245
Tổng tài sản dài hạn	**93,668**	**103,620**	**104,114**	**107,106**	**111,836**
Tổng cộng tài sản	**141,343**	**147,383**	**148,724**	**147,427**	**155,945**
Nợ ngắn hạn	40,567	28,030	29,014	27,125	27,028
Phả trả người bán	7,489	6,318	6,630	6,298	6,661
Nợ ngắn hạn khác	16,161	14,109	15,168	15,145	15,516
Tổng nợ ngắn hạn	**65,321**	**50,423**	**52,820**	**50,641**	**51,449**
Nợ dài hạn	30,426	41,542	38,067	32,727	32,073
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	3,542	3,406	3,406	3,406	3,406
Nợ dài hạn khác	777	8,250	8,221	8,221	8,221
Tổng nợ dài hạn	**34,744**	**53,198**	**49,695**	**44,355**	**43,700**
Tổng nợ phải trả	**104,706**	**109,146**	**108,040**	**100,522**	**100,674**
Vốn chủ sở hữu	26,153	26,560	30,736	34,567	40,111
Lợi ích cổ đông thiểu số	10,484	11,678	9,948	12,338	15,160
Tổng vốn chủ sở hữu	**36,637**	**38,237**	**40,684**	**46,905**	**55,271**
Tổng nợ phải trả và VCSH	**141,343**	**147,383**	**148,724**	**147,427**	**155,945**
BVPS (đ)	18,369	18,647	21,369	24,159	28,033
Nợ thuần*/(tiền mặt)	57,140	59,448	55,544	52,526	48,844

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	27.6	28.3	30.2	33.4	34.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	11.9	10.6	12.0	14.2	14.7
Tỷ suất LNT (%)	4.68	0.54	2.93	4.56	6.18
Thuế TNDN hiện hành (%)	7.63	27.0	23.8	20.3	18.2
Tăng trưởng doanh thu (%)	(14.0)	2.71	7.81	(0.42)	6.80
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(16.9)	(8.52)	22.2	17.2	11.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(58.3)	(88.3)	491	54.9	44.7
Tăng trưởng EPS (%)	(58.6)	(88.3)	487	55.1	44.7
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(58.6)	(88.3)	467	51.8	44.7
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	12.1	1.59	8.64	11.7	14.8
ROACE (%)	5.57	4.83	5.94	7.66	8.56
Vòng quay tài sản (lần)	0.57	0.54	0.57	0.57	0.59
Tiềm mặt HĐ/EBIT (lần)	(0.81)	0.12	0.53	0.48	0.54
Số ngày tồn kho	95.6	85.7	81.0	84.9	85.7
Số ngày phải thu	92.2	77.9	89.9	94.6	89.3
Số ngày phải trả	49.6	41.1	41.1	41.1	41.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	221	227	184	154	124
Nợ/tài sản (%)	50.6	47.8	45.7	41.2	38.5
EBIT/lãi vay (lần)	0.96	0.56	0.90	1.23	1.49
Nợ/EBITDA (lần)	7.88	8.48	6.70	5.10	4.54
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.73	0.87	0.84	0.80	0.86
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.97	1.95	1.77	1.74	1.59
EV/EBITDA ĐC (lần)	16.6	18.4	14.7	12.3	10.8
P/E (lần)	26.1	222	37.9	24.4	16.9
P/E ĐC (lần)	26.1	222	39.2	25.8	17.8
P/B (lần)	3.56	3.51	3.06	2.71	2.33
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

*Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.*
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH
Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)